TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-03-2023
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Dãy

Bà Lê Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970, có mặt

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1970, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2023, bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau vào khoảng năm 1994, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/7/2004. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, ông Đ nhiều lần chửi mắng, đánh đập bà T. Gia đình hai bên và chính quyền địa phương có hòa giải nhiều lần nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân khoảng 02 tháng nay. Do đó, bà T yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Văn H, sinh năm 1995 và Phạm Thị N, sinh năm 2001. Con chung hiện đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên trình bày và yêu cầu như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn Đ. Do ông bà chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; ông Đ có địa chỉ tại ấp Đ, xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ nhưng ông Đ vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/7/2004. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ. Xét thấy, yêu cầu của bà T là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống ông bà có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi và hiện tại đã sống ly thân khoảng 02 tháng nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để ông bà có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do ông Đ vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn Đ được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, ông bà có 02 người con chung tên Phạm Văn H, sinh năm 1995 (giới tính nam) và Phạm Thị N, sinh năm 2001 (giới tính nữ). Các con chung đều đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T xác định bà và ông Đ tự thỏa thuận về tài sản chung. Đối với nợ chung là không có, không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Phạm Văn Đ được ly hôn.

2. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 06 tháng 01 năm 2023 bà T có nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003285 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời giạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tân Phú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Bảo Trâm